ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 98 /2026/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 19 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 61/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 758/TTr-SNN&MT-CCBTS ngày 30 tháng 9 năm 2026 và Báo cáo thẩm định số 394/BC-STP ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh ban hành Quyết định kèm theo Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công

Thương, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Ban Quản lý khu kinh tế, Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố, Công an thành phố, Thanh tra thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- TT: TU, HĐND, UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố Quảng Ninh;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố (đăng tải);
- Báo và Phát thanh, truyền hình thành phố;
- V0, V1,
- QLĐĐ1-2, QH1-3, XD1-6;
- Lưu: VT, QLĐĐ1.

06 bản QĐ57

Ký bởi: Hoàng Văn Lãng

Ký bởi: Nguyễn Phúc Vinh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

Nguyễn Văn Công

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 98……/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mục đích, nội dung và trách nhiệm quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 3. Danh mục hành lang bảo vệ bờ biển và mục đích thiết lập

1. Hành lang bảo vệ bờ biển là dải đất ven biển được thiết lập ở những khu vực cần bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển. Các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển của thành phố Quảng Ninh được phê duyệt tại Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Quảng Ninh; danh mục đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm theo Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

2. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Quảng Ninh, sơ đồ vị trí mốc giới và bảng thống kê các vị trí mốc giới và bản đồ hành lang bảo vệ bờ biển theo Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 4. Các hoạt động bị nghiêm cấm, bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 24 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13.

2. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 25 Luật số 82/2015/QH13 và Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Điều 5. Yêu cầu quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Yêu cầu về mục đích, quy cách mốc giới, khoảng cách giữa các mốc giới ngoài thực địa của hành lang bảo vệ bờ biển, thiết kế vị trí mốc trên bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, cắm mốc giới trên thực địa, lập sơ đồ, bảng thống

kê vị trí mốc giới và hiệu chỉnh bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT.

2. Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới.

3. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hằng năm hoặc đột xuất và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, bảo đảm đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo dữ liệu được lưu giữ.

Điều 6. Điều chỉnh danh mục và ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Điều chỉnh danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại Điều 35a Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

2. Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Lưu giữ, bảo quản, cung cấp, khai thác dữ liệu hành lang bảo vệ bờ biển

1. Lưu giữ, bảo quản dữ liệu hành lang bảo vệ bờ biển

a) Dữ liệu hành lang bảo vệ bờ biển gồm Quyết định phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển. Dữ liệu gốc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển lưu giữ tại Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Dữ liệu bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển phục vụ quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển gồm các thành phần theo điểm a khoản 1 Điều này dưới dạng bản giấy và bản số.

c) Bản đồ ranh giới và mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được số hóa, chuẩn hóa dữ liệu không gian địa lý và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu của thành phố, sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và nghiên cứu khoa học theo quy định.

2. Cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu hành lang bảo vệ bờ biển

Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin từ dữ liệu về hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định về thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Điều 69 Luật số 82/2015/QH13.

Điều 8. Phối hợp quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Phối hợp trong công tác lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo kịp thời các thay đổi của hành lang bảo vệ bờ biển (nếu có) để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Ủy ban nhân dân cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển tổ chức cập nhật các thay đổi vào quy hoạch, kế hoạch.

b) Cơ quan thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch (hoặc điều chỉnh) phải rà soát ranh giới, phạm vi; đối chiếu các đối tượng quy hoạch với các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế, các nội dung liên quan tại Quy định này, lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi trình thẩm định, phê duyệt.

2. Phối hợp trong cắm mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Cơ quan nhà nước quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có diện tích nằm trong hoặc tiếp giáp với hành lang bảo vệ bờ biển phối hợp thực hiện các nội dung liên quan trong cắm mốc, khôi phục mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Khi các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu phối hợp trong việc bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển và xử lý các nội dung liên quan hành lang bảo vệ bờ biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp, cung cấp, xử lý thông tin, tổ chức giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

b) Quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại Luật số 82/2015/QH13, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định và điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

c) Lưu trữ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển, hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Bàn giao hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển cho các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển để quản lý, sử dụng.

Tích hợp dữ liệu vào cơ sở dữ liệu của thành phố, sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và nghiên cứu khoa học theo quy định. Bản đồ ranh giới và mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được số hóa, chuẩn hóa dữ liệu không gian địa lý.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức công bố hành lang bảo vệ bờ biển trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

đ) Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật.

e) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại Luật số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Định kỳ hằng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về công tác phối hợp quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển

1. Thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Luật số 82/2015/QH13, khoản 3 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

2. Niêm yết công khai bản đồ thể hiện ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển và tại khu vực hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập.

3. Quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; hằng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng. Đề xuất điều chỉnh danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định và điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

4. Kiểm tra các hoạt động trong hành lang bảo vệ bờ biển, báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý hành lang bảo vệ bờ biển về Sở Nông nghiệp và Môi trường; báo cáo, kiểm tra và xử lý trong trường hợp mốc giới ngoài thực địa không còn phù hợp với bản đồ đã được phê duyệt. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

5. Định kỳ hằng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương mình trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định tại Luật số 82/2015/QH13, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP và Quy định này.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp hướng dẫn và tổ chức triển khai Quyết định này.

2. Các sở, ban, ngành và tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phối hợp triển khai Quyết định này.

3. Trong thời gian chưa có mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tại thực địa, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sử dụng bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được phê duyệt tại Quyết định số 2386/QĐ-UBND để thực hiện công tác quản lý.

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.